

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính năm 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính năm 2019 (Danh mục kèm theo).

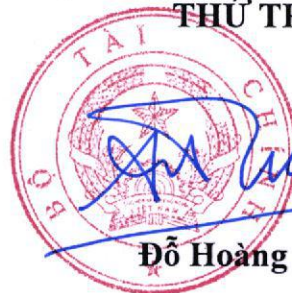
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *aly*

Nơi nhận: *ly*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- TANDTC, VKSNDTC, KTNN;
- Cục DTNNKV, KBNN, Cục thuế, Sở TC,
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC. (280)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC I
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70/QĐ-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|----------|------------------------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| I | NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH TTgCP | | | | |
| 1 | Nghị định | 10/2013/NĐ-CP 11/01/2013 | Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | 17/06/2019 |
| 2 | Nghị định | 130/2013/NĐ-CP 16/10/2013 | Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích | Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. | 01/06/2019 |
| 3 | Nghị định | 192/2013/NĐ-CP 21/11/2013 | Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước | Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. | 01/09/2019 |
| 4 | Nghị định | 58/2015/NĐ-CP 16/06/2015 | Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước | Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. | 01/09/2019 |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|--|------------|
| 5 | Nghị định | 14/2011/NĐ-CP | 16/02/2011 | Nghị định số 14/2011/NĐ-CP ngày 16/2/2011 quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan | Nghị định số 12/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | 20/03/2019 |
| 6 | Quyết định | 15/2017/QĐ-TTg | 12/05/2017 | Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập | Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. | 01/09/2019 |
| 7 | Quyết định | 23/2015/QĐ-TTg | 26/06/2015 | Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao. | Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao. | 01/10/2019 |
| 8 | Quyết định | 32/2015/QĐ-TTg | 04/08/2015 | Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. | 25/02/2019 |
| 9 | Quyết định | 39/2008/QĐ-TTg | 14/03/2008 | Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước. | Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. | 01/06/2019 |
| 10 | Quyết định | 54/2007/QĐ-TTg | 19/04/2007 | Quyết định số 54/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước thuộc Bộ Ngoại giao | Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. | 25/02/2019 |
| 11 | Quyết định | 176/1999/QĐ-TTg | 26/08/1999 | Quyết định số 176/1999/QĐ-TTg ngày 26/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|--|------------|
| 12 | Quyết định | 175/2003/QĐ-TTg | 29/08/2003 | Quyết định số 175/2003/QĐ-TTg ngày 29/8/2003 về phê duyệt “Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2010” | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |
| 13 | Quyết định | 13/2008/QĐ-TTg | 18/01/2008 | Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg ngày 18/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |
| 14 | Quyết định | 88/2009/QĐ-TTg | 18/06/2009 | Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |
| 15 | Quyết định | 132/2009/QĐ-TTg | 02/11/2009 | Quyết định số 132/2009/QĐ-TTg ngày 2/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg ngày 18/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |
| 16 | Quyết định | 80/2010/QĐ-TTg | 09/12/2010 | Quyết định số 80/2010/QĐ-TTg ngày 09/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về miễn phí xây dựng | Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | 15/03/2019 |
| 17 | Quyết định | 54/2014/QĐ-TTg | 19/09/2014 | Quyết định số 54/2014/QĐ-TTg ngày 19/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm trang thiết bị y tế cần được ưu tiên, nghiên cứu, chế tạo | Quyết định số 48/2018/QĐ-TTg ngày 29/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 54/2014/QĐ-TTg ngày 19/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm trang thiết bị y tế cần được ưu tiên, nghiên cứu, chế tạo | 15/01/2019 |
| 18 | Quyết định | 43/2017/QĐ-TTg | 26/09/2017 | Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. | 01/01/2020 |

| II THÔNG TƯ, QUYẾT ĐỊNH BỘ TÀI CHÍNH | | | | | | |
|--------------------------------------|----------|-----------------|------------|---|---|------------|
| 1 | Thông tư | 125/1998/TT-BTC | 09/9/1998 | Thông tư số 125/1998/TT-BTC ngày 9/9/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại một số khu vực cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai | Thông tư 59/2001/TT-BTC ngày 17/07/2001 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới | 04/05/2001 |
| 2 | Thông tư | 02/1999/TT-BTC | 05/01/1999 | Thông tư số 02/1999/TT-BTC ngày 05/01/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài tỉnh Tây Ninh | Thông tư 59/2001/TT-BTC ngày 17/07/2001 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới | 04/05/2001 |
| 3 | Thông tư | 19/1999/TT-BTC | 09/02/1999 | Thông tư số 19/1999/TT-BTC ngày 09/02/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại một số khu vực cửa khẩu tỉnh Cao Bằng | Thông tư 59/2001/TT-BTC ngày 17/07/2001 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới | 04/05/2001 |
| 4 | Thông tư | 13/1999/TT-BTC | 03/02/1999 | Thông tư số 13/1999/TT-BTC ngày 03/02/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại khu vực cửa khẩu Hà Tiên tỉnh Kiên Giang | Thông tư 59/2001/TT-BTC ngày 17/07/2001 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới | 04/05/2001 |
| 5 | Thông tư | 18/1997/TT-BTC | 09/4/1997 | Thông tư số 18/1997/TT-BTC ngày 09/4/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm cho khu vực cửa khẩu Móng Cái | Thông tư 59/2001/TT-BTC ngày 17/07/2001 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới | 04/05/2001 |
| 6 | Thông tư | 63/2002/TT-BTC | 24/07/2002 | Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí | Hết hiệu lực theo Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL (Thông tư 63/2002/TT-BTC hướng dẫn chi tiết Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP. Pháp lệnh phí, lệ phí hết hiệu lực thi hành từ 01/01/2017) | 01/01/2017 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|---|---|------------|
| 7 | Thông tư | 45/2006/TT-BTC | 25/05/2006 | Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí | Hết hiệu lực theo Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL (Thông tư 63/2002/TT-BTC hướng dẫn chi tiết Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP. Pháp lệnh phí, lệ phí hết hiệu lực thi hành từ 01/01/2017) | 01/01/2017 |
| 8 | Thông tư | 15/2013/TT-BTC | 05/02/2013 | Thông tư số 15/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hệ thống chỉ tiêu và Mẫu biểu báo cáo thống kê sử dụng tại các Sở Tài chính | Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/1/2019 về chế độ báo cáo thống kê tài chính | 01/03/2019 |
| 9 | Thông tư | 61/2010/TT-BTC | 21/04/2010 | Thông tư số 61/2010/TT-BTC ngày 21/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế nhập khẩu đối với máy thu trực canh cấp cho ngư dân. | Thông tư số 04/2019/TT-BTC ngày 18/1/2019 bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | 04/03/2019 |
| 10 | Thông tư | 11/2012/TT-BTC | 04/02/2012 | Thông tư số 11/2012/TT-BTC ngày 04/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hoá là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan. | Thông tư số 04/2019/TT-BTC ngày 18/1/2019 bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | 04/03/2019 |
| 11 | Thông tư | 304/2016/TT-BTC | 15/11/2016 | Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy. | Thông tư số 19/2019/TT-BTC ngày 9/4/2019 bãi bỏ Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy. | 10/04/2019 |
| 12 | Thông tư | 165/2015/TT-BTC | 05/11/2015 | Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước | Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán Nhà nước | 10/05/2019 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|---|--|------------|
| 13 | Thông tư | 134/2014/TT-BTC | 12/09/2014 | Thông tư số 134/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư. | Thông tư số 18/2019/TT-BTC ngày 3/4/2019 bãi bỏ Thông tư số 134/2014/TT-BTC ngày 12/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư. | 20/05/2019 |
| 14 | Thông tư | 147/2014/TT-BTC | 08/10/2014 | Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2014 về hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. | Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. | 01/06/2019 |
| 15 | Thông tư | 159/2015/TT-BTC | 15/10/2015 | Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. | Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. | 06/06/2019 |
| 16 | Thông tư | 172/2012/TT-BTC | 22/10/2012 | Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà | Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước | 01/07/2019 |
| 17 | Thông tư | 234/2012/TT-BTC | 28/12/2012 | Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương | 15/07/2019 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|---|--|------------|
| 18 | Thông tư | 10/2017/TT-BTC | 06/02/2017 | Thông tư số 10/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương | 15/07/2019 |
| 19 | Thông tư | 46/2017/TT-BTC | 12/05/2017 | Thông tư số 46/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. | Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương | 15/07/2019 |
| 20 | Thông tư | 136/2013/TT-BTC | 03/10/2013 | Thông tư số 136/2013/TT-BTC ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán. | Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019 hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán | 01/08/2019 |
| 21 | Thông tư | 128/2014/TT-BTC | 05/09/2014 | Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giám thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế | Thông tư số 42/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn giám thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế | 26/08/2019 |
| 22 | Thông tư | 54/2014/TT-BTC | 24/04/2014 | Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ | Thông tư số 87/2019/TT-BTC ngày 19/12/2019 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước | 01/0/2019 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|--|---|------------|
| 23 | Thông tư | 68/2018/TT-BTC | 06/08/2018 | Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ | Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ | 06/09/2019 |
| 24 | Thông tư | 215/2016/TT-BTC | 10/11/2016 | Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 5/8/2019 quy định thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | 20/09/2019 |
| 25 | Thông tư | 130/2017/TT-BTC | 04/12/2017 | Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 5/8/2019 quy định thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | 20/09/2019 |
| 26 | Thông tư | 57/2015/TT-BTC | 24/04/2015 | Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. | Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước | 10/10/2019 |
| 27 | Thông tư | 228/2009/TT-BTC | 07/12/2009 | Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | 10/10/2019 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|---|---|------------|
| 28 | Thông tư | 34/2011/TT-BTC | 14/03/2011 | Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | 10/10/2019 |
| 29 | Thông tư | 89/2013/TT-BTC | 28/06/2013 | Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | 10/10/2019 |
| 30 | Thông tư | 256/2016/TT-BTC | 11/11/2016 | Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân | Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân | 16/10/2019 |
| 31 | Thông tư | 331/2016/TT-BTC | 26/12/2016 | Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân | Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân | 16/10/2019 |
| 32 | Thông tư | 315/2016/TT-BTC | 30/11/2016 | Thông tư số 315/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại NHNN Việt Nam và các NHTM | Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại NHNN Việt Nam và các NHTM | 01/11/2019 |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|---|------------|
| 33 | Thông tư | 131/2017/TT-BTC | 15/12/2017 | Thông tư số 131/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 315/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại NHNN Việt Nam và các NHTM hết hiệu lực | Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại NHNN Việt Nam và các NHTM | 01/11/2019 |
| 34 | Thông tư | 116/2012/TT-BTC | 18/07/2012 | Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Tổ chức tài chính quy mô nhỏ trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tỉnh Thương | Thông tư số 71/2019/TT-BTC ngày 8/10/2019 bãi bỏ Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18/7/2012 và Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27/9/2013 của Bộ Tài chính | 22/11/2019 |
| 35 | Thông tư | 135/2013/TT-BTC | 27/09/2013 | Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2013 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức tài chính vi mô. | Thông tư số 71/2019/TT-BTC ngày 8/10/2019 bãi bỏ Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18/7/2012 và Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27/9/2013 của Bộ Tài chính | 22/11/2019 |
| 36 | Thông tư | 99/2017/TT-BTC | 29/09/2017 | Thông tư số 99/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2018 | Thông tư số 73/2019/TT-BTC ngày 21/10/2019 Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021 | 09/12/2019 |
| 37 | Quyết định | 94/2005/QĐ-BTC | 12/12/2005 | Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã | Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã | 01/01/2020 |
| 38 | Thông tư | 146/2011/TT-BTC | 26/10/2011 | Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005. | Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã | 01/01/2020 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|--|--|------------|
| 39 | Thông tư | 14/2017/TT-BTC | 15/02/2017 | Thông tư số 14/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải | Thông tư số 63/2019/TT-BTC ngày 9/9/2019 hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải | 01/01/2020 |
| 40 | Thông tư | 262/2016/TT-BTC | 14/11/2016 | Thông tư số 262/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp phí bảo đảm hàng hải đối với luồng hàng hải chuyên dùng. | Thông tư số 63/2019/TT-BTC ngày 9/9/2019 hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải | 01/01/2020 |
| 41 | Thông tư | 205/2011/TT-BTC | 30/12/2011 | Thông tư số 205/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với gạo; | Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia | 01/01/2020 |
| 42 | Thông tư | 217/2015/TT-BTC | 31/12/2015 | Thông tư số 217/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ | Thông tư số 80/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế, phí và lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới | 01/01/2020 |
| 43 | Thông tư | 98/2014/TT-BTC | 25/07/2014 | Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. | Thông tư số 76/2019/TT-BTC ngày 5/11/2019 hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi | 01/01/2020 |
| 44 | Thông tư | 217/2015/TT-BTC | 31/12/2015 | Thông tư số 217/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ | Thông tư số 80/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế, phí và lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo nghị định số 14/2018/NĐ-Cp ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới | 01/01/2020 |

| | | | | | | |
|----|----------|-----------------|------------|---|--|------------|
| 45 | Thông tư | 250/2016/TT-BTC | 11/11/2016 | Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 13/01/2020 |
| 46 | Thông tư | 96/2017/TT-BTC | 27/09/2017 | Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 13/01/2020 |
| 47 | Thông tư | 152/2010/TT-BTC | 28/09/2010 | Thông tư số 152/2010/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2010 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | Thông tư số 89/2019/TT-BTC ngày 26/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | 10/02/2020 |
| 48 | Thông tư | 78/2008/TT-BTC | 15/09/2008 | Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính | Hết hiệu lực theo Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL (Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính là văn bản quy định chi tiết toàn bộ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính) | 10/02/2019 |
| 49 | Thông tư | 32/2011/TT-BTC | 14/03/2011 | Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 14/11/2019 |
| 50 | Thông tư | 191/2010/TT-BTC | 01/12/2010 | Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải | Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 14/11/2019 |

| | | | | | | |
|----|------------|----------------|------------|---|---|-----------------------|
| 51 | Thông tư | 39/2014/TT-BTC | 31/03/2014 | Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT - BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính); | Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 14/11/2019 |
| 52 | Thông tư | 37/2017/TT-BTC | 27/04/2017 | Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính). | Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 14/11/2019 |
| 53 | Quyết định | 42/2005/QĐ-BTC | 07/07/2005 | Quyết định số 42/2005/QĐ-BTC ngày 07/7/2005 của Bộ Tài chính và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam". | Thông tư số 17/2019/TT-BTC ngày 21/3/2019 quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam" | 45 ngày kể từ ngày ký |

DANH MỤC II
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính)

| STT | Số; ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------|--|--|--|-----------------------------------|
| I | LUẬT | | | |
| 1 | Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung các khoản 21, 22, 23, 24, 25 và 26 vào sau khoản 20 Điều 3 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 3. Sửa đổi, bổ sung tên Chương IV 4. Bổ sung Mục 3 vào sau Mục 2 Chương IV 5. Sửa đổi, bổ sung tên Chương VI 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 105 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 120:a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1; b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 8. Bổ sung khoản 9a vào sau Khoản 9 Điều 124 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ của Quốc hội, số 42/2019/QH14 | 01/11/2019 |
| II | NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH TTgCP | | | |
| 1 | Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 2. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung 3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung | Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt | 20/03/2019 |

| | | | | |
|---|--|--|---|------------|
| 2 | Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung; 2. Khoản 5 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung và bổ sung thêm khoản 7, khoản 8 vào Điều 7; 3. Khoản 3, khoản 15, điểm b, c, d khoản 16, khoản 21, khoản 23, khoản 25 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung và bổ sung thêm điểm f vào khoản 16 Điều 9; 4. Khoản 2, điểm a và điểm d khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung và bổ sung thêm khoản 7 vào Điều 10; 5. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung | Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ. | 10/04/2019 |
| 3 | Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất | <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điều 16 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP - Bãi bỏ Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất | Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất | 10/12/2019 |

| | | | | |
|---|--|--|--|------------|
| 4 | <p>Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 2. Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 21 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 32 4. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 68 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 69 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 71 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 72 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 80 9. Bổ sung Chương Va vào sau Chương V 10. Sửa đổi, bổ sung tên chương VI 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 90 12. Bổ sung Điều 91a sau Điều 91 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 92 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 93 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 94 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 14 Điều 110 | <p>Nghị định 80/2019/NĐ-CP ngày 01/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ</p> | 01/11/2019 |
|---|--|--|--|------------|

| | | | | |
|---|---|--|---|------------|
| 5 | Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, bổ sung điểm c khoản 1, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 3. Bổ sung Điều 21a sau Điều 21 4. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương II 5. Bổ sung Điều 25a sau Điều 25 6. Bổ sung Mục 7a sau mục 7 | Nghị định 80/2019/NĐ-CP ngày 01/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ | 01/11/2019 |
| 6 | Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không | Bãi bỏ Điều 8 | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 01/01/2020 |
| 7 | Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; | bãi bỏ Điểm 1 khoản 7 Điều 7 | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 01/01/2020 |

| | | | | |
|----|---|---|---|------------|
| 8 | Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm | bãi bỏ Cụm từ “sản phẩm mang theo người nhập cảnh, gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người nhập cảnh để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hoặc mục đích chuyến đi” tại khoản 2 Điều 13 | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 01/01/2020 |
| 9 | Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP | Bãi bỏ Nội dung quy định về kiểm tra chuyên ngành tại khoản 5, khoản 6 Điều 60 | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 01/01/2020 |
| 10 | Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Danh mục biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường quy định tại Điều 2 Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg | Quyết định số 28/2019/QĐ-TTg ngày 16/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | 01/11/2019 |
| 11 | Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia | Bãi bỏ các Điều 4, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23; quy định liên quan đến thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, vào, rời cảng thủy nội địa tại các Điều 5, 6, 7, 10 của Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg | Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | 01/01/2020 |

| II | THÔNG TƯ | | | |
|----|---|--|--|------------|
| 1 | <p>Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi tiêu đề của Điều 6 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 5. Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 18 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 7. Bổ sung Điều 20a 8. Sửa đổi bổ sung Điều 23 9. Sửa đổi bổ sung Điều 25 10. Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 7 Điều 26 | <p>Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/1/2019 sửa đổi Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp</p> | 28/01/2019 |
| | | <p>11. Sửa đổi, bổ sung mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: a) Sửa đổi mẫu 02a/DNUT, mẫu 03/DNUT, mẫu 04/DNUT, mẫu 05/DNUT, mẫu 06/DNUT; b) Bổ sung mẫu 03a/DNUT.</p> <p>Các nội dung bãi bỏ: 1. Bỏ cụm từ “phải được thực hiện bằng máy soi” tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 7 Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> | | |

| | | | | |
|---|--|--|---|------------|
| 2 | <p>Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung, 2. Bổ sung tiết l vào sau tiết k vào điểm 2.3 khoản 2 Điều 20, 3. Khoản 1 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung, | <p>Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p> | 16/02/2019 |
|---|--|--|---|------------|

| | | | | |
|---|--|--|---|------------|
| 3 | <p>Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi một số khoản Điều 2: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7; 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 10 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 11: a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5; c) Sửa đổi, bổ sung khoản 15; d) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 13: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1; b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2; c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2; d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 14: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20: a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4; c) Bổ sung khoản 6 như sau: 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 14. Sửa đổi, bổ sung điểm d và đ khoản 2 Điều 23 15. Sửa đổi, bổ sung các biểu mẫu báo cáo: a) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/DT-QLDA; b) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 05/DT-QLDA; c) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/QĐ-QLDA; d) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/QT-QLDA; đ) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA. | <p>Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/1/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 quy định quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQL dự án sử dụng vốn NSNN</p> | 15/03/2019 |
|---|--|--|---|------------|

| | | | | |
|---|--|--|--|------------|
| 4 | <p>Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 : 2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 3. Bổ sung Khoản 1 và khoản 3 và Khoản 6 Điều 3 4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6 5. Bổ sung Mục 2a Chương II 6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điểm a, Điểm d Khoản 2 và Khoản 5 Điều 7 7. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 và Khoản 6 Điều 8 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 10. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 17 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 12. Bổ sung Tiểu mục 4 Chương II 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 24 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 17. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 27 18. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3 Điều 28 : 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 20. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 3 Điều 30 | <p>Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/1/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020</p> | 18/03/2019 |
|---|--|--|--|------------|

| | | | | |
|---|--|---|--|------------|
| | | <p>21. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 :</p> <p>22. Sửa đổi, bổ sung Điều 32</p> <p>23. Sửa đổi, bổ sung Điều 35</p> <p>24. Bổ sung Điều 35a như sau:</p> <p>25. Sửa đổi, bổ sung Điều 36</p> <p>26. Bổ sung một khoản tại Điều 37</p> <p>27. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 39</p> <p>28. Sửa đổi, bổ sung Điều 41</p> <p>29. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 43</p> <p>30. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 44</p> <p>31. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 1 Điều 46</p> <p>32. Sửa đổi, bổ sung Điều 47</p> <p>33. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 49</p> | | |
| 5 | <p>Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục I, Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC</p> | <p>Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/2/2019 sửa đổi bổ sung Thông tư 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam</p> | 01/04/2019 |

| | | | | |
|---|--|--|--|------------|
| 6 | <p>Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung 2. Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung 3. Khoản 2 và khoản 3 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung 4. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung; 5. Khoản 4 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung 6. Khoản 1 Điều 25 được sửa đổi, bổ sung 7. Khoản 3 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung 8. Thay thế khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 9. Thay thế Phụ lục số 01/ĐTBD: Danh sách học viên và giảng viên của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 bằng Phụ lục số 01/ĐTBD kèm theo Thông tư này. 10. Bãi bỏ khoản 5 và khoản 6 Điều 25 của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014. 11. Bãi bỏ điểm c, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 | <p>Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/2/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá</p> | 06/04/2019 |
| 7 | <p>Thông tư số 06/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước</p> | <p>Bãi bỏ quy định về chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước và chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn tại Khoản 5, Điều 1 Thông tư số 06/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước</p> | <p>Thông tư số 12/2019/TT-BTC ngày 13/3/2019 quy định chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của NSNN</p> | 01/05/2019 |

| | | | | |
|---|--|--|--|------------|
| 8 | <p>Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung 2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung 3. Điểm d Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi 4. Điểm b Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi 5. Bổ sung Điểm đ tại Khoản 2 Điều 3 6. Tiết c Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi 7. Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 8. Khoản 2.3 Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 9. Khoản 5 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 10. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung 11. Bổ sung Điểm đ,e Khoản 1 Điều 6 | <p>Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết</p> | 01/05/2019 |
| 9 | <p>Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung 2. Điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm d khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 3. Khoản 5 và khoản 6 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 4. Điểm c khoản 3, khoản 15, điểm c khoản 16, khoản 21 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung <p>Bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ: 1. Điểm c.4 khoản 1, điểm c.2 khoản 2, điểm a khoản 3 của Điều 3; 2. Điểm b và điểm d khoản 16, khoản 23 và khoản 25 của Điều 5; Điều 6</p> | <p>Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 9/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ</p> | 01/06/2019 |

| | | | | |
|----|--|---|--|------------|
| 10 | <p>Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 218/2016/TT-BTC</p> | <p>Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 sửa đổi Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</p> | 05/06/2019 |
| 11 | <p>Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điểm b khoản 2 của Điều 5 được sửa đổi, bổ sung 2. Điểm b khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung 3. Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung 4. Điểm đ Khoản 1 của Điều 14 được sửa đổi, bổ sung 5. Khoản 4 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung 6. Điểm c khoản 1 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung 7. Phụ lục số 02 được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTC | <p>Thông tư số 25/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá</p> | 06/06/2019 |

| | | | | |
|----|---|---|--|------------|
| 12 | <p>Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoản 1, khoản 7 và khoản 9 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung 4. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung 5. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung 6. Điểm c, d, đ khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 10 8. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi 9. Khoản 1, khoản 3, khoản 5 và khoản 9 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung 10. Bổ sung các khoản 5, khoản 6 và khoản 7 vào Điều 14 11. Khoản 4, khoản 9 và khoản 10 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung 12. Sửa đổi các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015: <ol style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi Mẫu số 01, Mẫu số 07, Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC thành Mẫu số 01, Mẫu số 07, Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. | <p>Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan</p> | 01/07/2019 |
|----|---|---|--|------------|

| | | | | |
|----|---|---|--|------------|
| | | <p>b) Sửa đổi Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC thành Mẫu số 06, Mẫu số 06A ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BTC</p> <p>13. Bãi bỏ Mẫu số 02, Mẫu số 03A và Mẫu số 03B ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.</p> | | |
| 13 | <p>Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Điều 6</p> | <p>Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển và Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay</p> | 01/07/2019 |

| | | | | |
|----|---|---|---|------------|
| 14 | Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay. | Sửa đổi, bổ sung Điều 6 | Thông tư số 27/2019/TT-BTC ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển và Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay | 01/07/2019 |
| 15 | Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điểm a, khoản 1, Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 2. Điểm b, khoản 1, Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 3. Bổ sung điểm e, g, Khoản 2, Điều 3 4. Bổ sung điểm h, i, k, Khoản 4, Điều 3 5. Điểm c, Khoản 2, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung | Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/1/2018 của BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông | 15/07/2019 |
| 16 | Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung Điều 9a 2. Bổ sung khoản 3 vào Điều 16 3. Bổ sung Điều 20a | Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần | 29/07/2019 |

| | | | | |
|----|---|--|--|------------|
| 17 | Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 | Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ | 01/08/2019 |
| 18 | Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ | <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung Điều 3 - Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ được thay thế bằng Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 33/2019/TT-BTC | Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ | 01/08/2019 |

| | | | | |
|----|--|---|--|------------|
| 19 | Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoản 11 Điều 4 được sửa đổi 2. Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung 4. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung | Thông tư số 35/2019/TT-BTC ngày 12/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | 01/08/2019 |
| 20 | Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 10 được sửa đổi 2. Bổ sung thêm dòng “các trường hợp khác” vào biểu số 4.2 về xử lý hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2017/TT-BTC. 3. Bổ sung thêm cột 9 “tổng số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo” vào biểu số 4.3 về xử lý hồ sơ thực hiện quyền của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2017/TT-BTC. | Thông tư số 35/2019/TT-BTC ngày 12/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | 01/08/2019 |
| 21 | Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 3. Bổ sung khoản 4 Điều 7 4. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 8 : 5. Khoản 4 Điều 9 bỏ cụm từ “định mức chi phí”. 6. Sửa đổi tiêu đề Điều 10 7. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 | Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng | 01/09/2019 |

| | | | | |
|----|--|--------------------------------|---|-------------------|
| 22 | <p>Thông tư số 217/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân;</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Điều 3</p> | <p>Thông tư số 52/2019/TT-BTC ngày 16/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân; Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy</p> | <p>01/10/2019</p> |
| 23 | <p>Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Điều 4</p> | <p>Thông tư số 52/2019/TT-BTC ngày 16/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân; Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy</p> | <p>01/10/2019</p> |

| | | | | |
|----|---|--|---|------------|
| 24 | <p>Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2</p> | <p>Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 16/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> | 05/10/2019 |
| 25 | <p>Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung khoản 4 Điều 2 2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 3. Sửa đổi khoản 3, sửa đổi điểm a, điểm g và bổ sung điểm m, điểm n khoản 5, sửa đổi điểm b, điểm c, điểm d, bổ sung điểm đ, điểm e khoản 6 và sửa đổi khoản 7 Điều 4 : 4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung 5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung 6. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung 7. Bổ sung Điều 8a như sau: 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 9. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung 10. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung 11. Sửa đổi, bổ sung một số Biểu mẫu và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2015/TT-BTC: <ol style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi Mẫu số HQ01-BKHBC, Mẫu số HQ02-BKHBCN, Mẫu số HQ03-BKHBCX thành Mẫu số HQ01-BKCTHH, Mẫu số HQ02-BKHBCN, Mẫu số HQ03-BKHBCX Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư 56/2019/TT-BTC. b) Bổ sung các nội dung sau tại Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư 56/2019/TT-BTC: | <p>Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư gói kiện hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định tại thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế</p> | 15/10/2019 |

| | | | | |
|----|---|---|---|------------|
| | | <p>b.1) Mẫu ấn phẩm hàng bưu chính: tờ khai CN22, CN23, số hiệu bưu gửi E1QT; phiếu chuyển CN37, CN38 (theo mẫu của Liên minh Bưu chính thế giới).</p> <p>b.2) Mẫu số HQ06-BKTKTGT, HQ07- BBBT.</p> <p>b.3) Phụ lục I, II, III.</p> | | |
| 26 | <p>Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 5 Điều 2 2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 3. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 4. Sửa đổi khoản 3, khoản 7, khoản 8, khoản 10 và bổ sung khoản 11 Điều 5 5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung 6. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung 7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung : 8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung 9. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung 10. Bổ sung Điều 12a : 11. Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 12 12. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung 13. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 : 14. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung 15. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung 16. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung : 17. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung 18. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19 19. Sửa cụm từ “lệ phí hải quan” tại Chương III Thông tư số 191/2015/TT-BTC thành “phí hải quan, lệ phí hàng hóa quá cảnh”. 20. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 191/2015/TT-BTC như sau: | <p>Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư gói kiện hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định tại thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế</p> | 15/10/2019 |

| | | | | |
|----|---|--|---|------------|
| | | <p>a) Sửa đổi Mẫu số HQ 02-BKTKGT Phụ lục I thành Mẫu số HQ 02- BKTKGT Phụ lục 1 Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC;</p> <p>b) Bổ sung Mẫu số HQ 05-BLKHH, Mẫu số HQ 06-BKCTHH, Mẫu số HQ 07-BKTKTL, Mẫu số HQ 08-BBBT tại Phụ lục I Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC;</p> <p>c) Sửa đổi Phụ lục II, III thành Phụ lục II, III Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC</p> | | |
| 27 | <p>Thông tư 49/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chi định</p> | <p>bãi bỏ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17</p> | <p>Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư gói kiện hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chi định tại thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế</p> | 15/10/2019 |

| | | | | |
|----|---|---|--|------------|
| 28 | Thông tư 191/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế | bãi bỏ Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 | Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư gói kiện hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định tại thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế | 15/10/2019 |
|----|---|---|--|------------|

| | | | | |
|----|---|---|--|------------|
| 29 | <p>Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoản 5 được sửa đổi; bổ sung khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18, khoản 19 Điều 2 2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung 3. Bổ sung Điều 4 4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung 5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung 7. Khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung 7. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung 8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung 9. Điểm b khoản 2, khoản 5, khoản 9 được sửa đổi; khoản 11 Điều 17 được bổ sung 10. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung 11. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung 12. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung 13. Tên Điều 24 và khoản 3 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung 14. Các phụ lục được sửa đổi, bổ sung như sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Thay thế Phụ lục I Thông tư số 39/2015/TT-BTC bằng Phụ lục I Thông tư số 60/2019/TT-BTC b) Bổ sung mẫu số 04/TGHQ vào Phụ lục II Thông tư số 39/2015/TT-BTC. 15. Bãi bỏ khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | <p>Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu</p> | 15/10/2019 |
|----|---|---|--|------------|

| | | | | |
|----|--|--|--|------------|
| 30 | <p>Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điểm b, khoản 4, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung 2. Điểm h, khoản 6, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung 3. Bổ sung điểm d, khoản 1, Điều 22 4. Bổ sung Điều 7a 5. Sửa đổi, bổ sung cột “Mô tả” tại mục III Phụ lục II Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho cơ quan hải quan ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BTC | <p>Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 5/9/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> | 21/10/2019 |
| 31 | <p>Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung 2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung <ol style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2 b) Bổ sung Khoản 3 vào Điều 2 3. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung 4. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung <ol style="list-style-type: none"> a) Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung b) Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung c) Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung d) Khoản 4 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13; bổ sung khoản 3 Điều 13 6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 15 | <p>Thông tư số 64/2019/TT-BTC ngày 16/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước</p> | 01/11/2019 |

| | | | | |
|----|---|---|---|------------|
| 32 | <p>Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7 Điều 3 2. Khoản 8, Khoản 9 Điều 3 sửa thành Khoản 7, Khoản 8. 3. Sửa đổi Khoản 3 Điều 7 4. Sửa đổi Điều 8 5. Sửa đổi Khoản 3 Điều 9 6. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3 Điều 15 7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 18 8. Sửa đổi Điều 19 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 10. Sửa đổi Điều 21 11. Sửa đổi Điều 22 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 13. Sửa đổi Điều 27 14. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 28 15. Sửa đổi Điều 29 16. Bổ sung Khoản 3 Điều 35 17. Bổ sung Khoản 3 Điều 36 18. Sửa đổi, bổ sung, thay thế về mẫu biểu <ol style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC: <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về sự cố kỹ thuật của Công thông tin điện tử Tổng cục Thuế mẫu 02/TB-TĐT; - Thông báo về tài khoản giao dịch thuế điện tử theo mẫu 03/TB-TĐT; | <p>Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế</p> | 05/11/2019 |
|----|---|---|---|------------|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc xác nhận nộp thuế điện tử theo mẫu số 05/TB-TĐT; - Tờ khai đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử theo mẫu số 01/ĐK-TĐT; - Tờ khai đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử theo mẫu số 02/ĐK-TĐT; <p>b. Bãi bỏ “Thông báo xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT” và “Thông báo thực hiện thủ tục đăng ký thuế bằng phương thức điện tử mẫu 06/TB-TĐT” ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC, thay bằng “Thông báo tiếp nhận theo mẫu số 01-1/TB-TĐT” và “Thông báo chấp nhận/không chấp nhận theo mẫu số 01-2/TB-TĐT”.</p> <p>c. Bổ sung biểu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc điều chỉnh thông tin nộp thuế theo mẫu số 06/TB-TĐT; - Giấy đề nghị xác nhận số đã nộp NSNN theo mẫu số C1-10a/NS-TĐT; - Giấy xác nhận/không xác nhận số thuế đã nộp NSNN theo mẫu số mẫu C1-10b/NS-TDT | | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | |
|----|--|---|--|------------|
| | | <p>19. Sửa cụm từ “lệ phí hải quan” tại Chương III Thông tư số 191/2015/TT-BTC thành “phí hải quan, lệ phí hàng hóa quá cảnh”.</p> <p>20. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 191/2015/TT-BTC như sau:</p> <p>a) Sửa đổi Mẫu số HQ 02-BKTKGT Phụ lục I thành Mẫu số HQ 02- BKTKGT Phụ lục 1 Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bổ sung Mẫu số HQ 05-BLKHH, Mẫu số HQ 06-BKCTHH, Mẫu số HQ 07-BKTKTL, Mẫu số HQ 08-BBBT tại Phụ lục I Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Sửa đổi Phụ lục II, III thành Phụ lục II, III Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư 59/2019/TT-BTC</p> | | |
| 33 | <p>Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> | Sửa đổi khoản 3 Điều 6 | <p>Thông tư số 72/2019/TT-BTC ngày 14/10/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> | 01/12/2019 |
| 34 | <p>Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.</p> | Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 | <p>Thông tư số 74/2019/TT-BTC ngày 24/10/2019 Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự</p> | 10/12/2019 |

| | | | | |
|----|---|--|---|------------|
| 35 | <p>Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 15. 2. Bãi bỏ Phụ lục số 06/CNKT. 3. Thay thế Phụ lục số 04/CNKT bằng Phụ lục số 001/CNKT ban hành kèm theo Thông tư số 44/2019/TT-BTC 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 | <p>Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán</p> | 01/01/2020 |
| 36 | <p>Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điểm c khoản 1 Điều 12 được sửa đổi 2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 15. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 | <p>Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán</p> | 01/01/2020 |
| 37 | <p>Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư</p> | <p>thay thế toàn bộ nội dung quy định của Chương II, phần II về “Hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư trong các đơn vị hành chính sự nghiệp”</p> | <p>Thông tư 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công</p> | 01/01/2020 |

| | | | | |
|----|--|---|---|-------------------|
| 38 | <p>Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p> | <p>Các quy định tại Điều 8, 9, 11, 12, 13 và 15 Mục I chương II Thông tư 38/2015/TT-BTC</p> | <p>Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan</p> | <p>01/01/2021</p> |
| 39 | <p>Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. sửa đổi Điểm 2.2 khoản 2 Điều 3 2. sửa đổi Tiết a điểm 4.1 khoản 4 Điều 5 3. sửa đổi Tiết a điểm 4.2 khoản 4 Điều 5 4. sửa đổi Điều 6 | <p>Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 sửa đổi một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp</p> | <p>30/12/2019</p> |

DANH MỤC III
THÔNG TƯ LIÊN TỊCH HẾT HIỆU LỰC, NGUNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính)

| | Tên loại văn bản | Số; ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | ghi chú |
|---|--------------------|---|--|--|-----------------------------------|---------|
| 1 | Thông tư liên tịch | Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế | Chương III Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC hết hiệu lực | Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 5/6/2019 hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế | 25/07/2019 | |
| 2 | Thông tư liên tịch | Thông tư liên tịch số 104/2007/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn một số nội dung chi, mức chi cho công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước | Bãi bỏ toàn bộ | Thông tư số 67/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước | 08/11/2019 | |

| | | | | | | |
|---|--------------------|---|----------------|--|------------|--|
| 3 | Thông tư liên tịch | Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông | Bãi bỏ toàn bộ | Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 4/11/2019 quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông | 01/01/2020 | |
|---|--------------------|---|----------------|--|------------|--|